

Bản án số: 102/2021/HS- PT

Ngày: 20 - 9 - 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Minh Tuấn

*Các thẩm phán:* 1. Ông Nguyễn Văn Quế

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:**  
Ông Lý Đình Kiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 91/2021/TLPT-HS ngày 31/8/2021 do có kháng cáo của bị cáo , kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đối với bản án hình sự sơ thẩm số 69/2021/HS-ST ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

**\* Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:**

Trần Thị L, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1981 tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Xóm TT, xã VT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên; nơi tạm trú: Xóm C, xã PL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Trần Văn K, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Lưu Thị H, sinh năm: 1960; gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có chồng: Tạ Văn Đ, sinh năm 1973; con: 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2019 đến ngày 08/11/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, (có mặt).

**Các bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị:**

1. Trần Văn N, sinh năm 1986 (có mặt).

2. Nguyễn Thị A, sinh năm 1985 (có mặt).

Đều trú tại: Xóm C, xã PL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

3. Lê Thị Thùy D, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Trú tại: Xóm 6, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 29/10/2019, Trần Thị L điều khiển xe mô tô đi qua khu vực kho than của mỏ than PM thuộc tiểu khu GT, thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên thì nhìn thấy đồng than của Mỏ than PM đầy tràn than ra ngoài, L nảy sinh ý định lấy trộm than ở khu vực trên. Đến khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, L gặp Hoàng Văn T, sinh năm 1984, địa chỉ: xóm 10, xã TL, huyện ĐT, điều khiển xe ô tô BKS: 20C - 156.17 đang gom than tại xóm C, xã PL. Khi gặp T thì L vẫy xe T lại và nói với T rằng “Tôi chờ cho chị chuyển hàng”, L không nói đó là hàng gì mà chỉ nói sang mỏ than PM chở về nhà, L hẹn T 22 giờ cùng ngày có mặt tại mỏ than để chở hàng cho L, T đồng ý. Chiều cùng ngày, L thống nhất với T tối chờ cho L chuyển hàng, L trả công cho T 200.000 đồng đến 300.000 đồng. Khoảng 19 giờ cùng ngày, thì L sang nhà Trần Văn N, Nguyễn Thị A, rủ vợ chồng N và A đêm nay đi trộm cắp than cùng, ban đầu N và A ngần ngừ, một lúc sau đó cả hai vợ chồng cùng đồng ý. Sau đó, L và A cùng chuẩn bị các dụng cụ gồm bao tải, xẻng, dây buộc, đèn pin. Trần Văn N gọi điện thoại rủ thêm Lê Thị Thuỳ D cùng tham gia, vì N biết D có bố đẻ là ông Lê Văn Đ làm bảo vệ mỏ than thì sẽ thuận lợi cho việc trộm cắp và được D đồng ý, N hẹn với D khoảng 22 giờ có mặt tại đường bê tông cạnh kho than.

Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 29/10/2019, Nguyễn Thị A điều khiển xe máy màu xanh đen không biển kiểm soát chở theo Trần Thị L ngồi phía sau cầm vật dụng đi từ nhà đến kho than của mỏ than PM trước, Trần Văn N điều khiển xe máy BKS: 20N3-5328 đi theo sau. Khi đến gần kho than thì A đi cất giấu xe, cùng lúc đó, Hoàng Văn T điều khiển xe ô tô đi tới, L vẫy xe ô tô và hướng dẫn T điều khiển xe ô tô đến vị trí bãi đất trống và đỗ xe tại vị trí đó chờ. L xuống vị trí trộm than rồi cùng với A xúc trộm than vào trong các bao tải dứa. Lê Thị Thuỳ D điều khiển xe máy BKS: 20N3-0778 đi đến vị trí đã hẹn trước với N để đứng đợi N, đợi được một lúc thì Trần Văn N điều khiển xe máy đi đến gặp D rồi cùng đi cất xe. D đi bộ xuống vị trí trộm than cùng L và A xúc trộm than tại kho than, A xúc than, D căng bao tải than và L là người đưa các bao tải than ra sát đường để dón bao và khâu miệng các bao tải than đã đóng đầy để Trần Văn N chở bằng xe mô tô đến vị trí ô tô chờ sẵn, đổ số than đã trộm được lên thùng ô tô cách đó khoảng 200m, và cứ thực hiện như thế khoảng 05 phút một chuyến; đến 01 giờ 15 phút ngày 30/10/2019, thì bị Phòng bảo vệ tự vệ Mỏ than PM tuần tra kiểm soát an N trật tự trong khu vực mỏ than PM phát hiện, bắt quả tang các đối tượng và bắt giữ được Trần Thị L. Còn Trần Văn N, Nguyễn Thị A, Lê Thị Thuỳ D chạy thoát.

Tạm giữ cách vị trí các đối tượng trộm than 150m: 01 xe ô tô tải BKS 20C-156.17 (Hoàng Văn T đang ngồi trên cabin xe), trên thùng xe có than; thu tại vị trí phía sau xe ô tô trên 01 xe mô tô WANFA, không có BKS; thu tại vị trí sau xe ô tô tải trên 07 bao tải dứa màu vàng, miệng bao đã được buộc, bên trong các bao đều có chứa than; thu cách vị trí xe ô tô tải 150m: 02 xe mô tô (01 xe mô tô BKS 20N3-0778 và 01 xe mô tô BKS 20N3-5328); thu cách vị trí xe 200m: 17 bao tải dứa, miệng bao buộc kín, trên trong các bao đều có than; 05 chiếc xẻng đã qua sử dụng;

36 bao tải dứa màu hồng cam đã qua sử dụng; 01 cuộn dây gai; 01 bạt nhựa có KT (5 x 4) m, có một mặt màu vàng cam và một mặt màu xanh đã qua sử dụng; 02 bạt nhựa nhiều màu kẻ sọc có KT (3,7 x 2) m đã qua sử dụng; 01 tấm che màu đen bằng nhựa đã qua sử dụng; 01 đèn pin dạng cầm tay màu đỏ đã qua sử dụng; 01 đèn pin loại nhỏ dạng đeo trên đầu màu tím đen đã qua sử dụng.

Phòng bảo vệ tự vệ Mỏ than PM đã báo Công an huyện Phú Lương, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lương đã tiến hành lập Biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang cùng toàn bộ tang vật như trên, đưa về Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện điều tra theo thẩm quyền.

Tại biên bản cân xác định khối lượng than thu giữ ngày 30/10/2019 như sau: Khối lượng than thu giữ trên thùng xe ô tô BKS 20C-156.17 là 2520 kg; 07 bao tải than thu giữ gần xe ô tô BKS 20C-156.17 là 470 kg; 17 bao tải than thu giữ tại hàng rào sắt là 1030kg. Tổng khối lượng than thu giữ là **4.020kg**.

Tại Kết luận định giá tài sản số 71/KL-ĐG ngày 01/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Lương, kết luận: Giá trị của 4.020 kilogram than thành phẩm đã qua tuyển, than thuê tuyển có giá là **13.736.340 đồng**.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 69/2021/HS-ST ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Trần Thị L 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 30/10/2019 đến ngày 08/11/2019.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử phạt bị cáo Trần Văn N 15 tháng tù cho hưởng án treo, 30 tháng thử thách, bị cáo Nguyễn Thị A và Lê Thị Thùy D mỗi bị cáo 12 tháng tù cho hưởng án treo, 24 tháng thử thách cùng về tội “Trộm cắp tài sản”, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSPL ngày 03/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng cho bị cáo Trần Thị L được hưởng án treo.

Ngày 28/7/2021 bị cáo Trần Thị L kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo kháng cáo xin được cải tạo tại địa phương, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa: Cấp sơ thẩm xử bị cáo L về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự với mức hình phạt 18 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, tại cấp phúc thẩm bị cáo nộp tài liệu chứng nhận có ông nội tham gia cách mạng trước năm 1945, bà nội bị cáo tham gia Dân công hỏa tuyến nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo cải tạo dưới sự giám

sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKSPL ngày 03/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và kháng cáo của bị cáo được gửi trong thời hạn luật định và đúng theo thủ tục quy định, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 29/10/2019 đến 01 giờ ngày 30/10/2019, tại khu vực kho than của mỏ than PM thuộc tiểu khu GT, thị trấn GT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên, Trần Thị L, Trần Văn N, Nguyễn Thị A, Lê Thị Thùy D đã có hành vi trộm cắp **4.020 Kg** than thành phẩm đã qua tuyển, có giá trị **13.736.340 đồng** của Mỏ than PM, thuộc Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên thì bị phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng.

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Trần Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này bị cáo L cùng các bị cáo khác tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, không có người tổ chức, phân công. Bị cáo Trần Thị L là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đã ăn năn, hối cải, tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, Đại diện đơn vị bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương, được Chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo nộp thêm tài liệu thể hiện bị cáo có ông nội tham gia cách mạng trước năm 1945, bà nội bị cáo tham gia Dân công hỏa tuyến nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và kháng cáo của bị cáo Trần Thị L, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 69/2021/HS-ST ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Trần Thị L 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội “Trộm cắp tài sản”.

Giao bị cáo Trần Thị L cho Ủy ban nhân dân xã PL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Ghi nhận bị cáo Trần Thị L đã nộp số tiền 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm, tại biên lai thu tiền số 0000502 ngày 09/9/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND T. Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Đặng Minh Tuấn**